

Bản án số: 49/2017/HSST

Ngày: 03/11/2017

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Mai*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

*- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ý – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Thái Xuân Nguyên - Kiểm sát viên.*

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/HSST, ngày 06/10/2017 đối với bị cáo: **Nguyễn Phú T** – sinh năm 1984 tại An Giang; Nơi đăng ký NKTT: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; Con ông Nguyễn Phú A và bà Nguyễn Thị M (chết); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/8/2017. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*Người bị hại: Bà **Đỗ Thị Kiều H** – sinh năm 1982 (có mặt)*

*Trú tại: Tổ 01, ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.*

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Minh K**, sinh năm 1978 (có mặt).*

*Trú tại: Khóm 04, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Nguyễn Phú T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 27/7/2017 Nguyễn Phú T đi xe ô tô khách từ thành phố C, tỉnh An Giang đến chơi tại nhà chị Đỗ Thị Kiều D tại tổ

02, ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang thì gặp Đỗ Thị Kiều H, Đỗ Thị Kiều Y, Dương Tấn B và Lâm Hoàng Đ đang tổ chức uống bia nên T đi vào uống hết 01 ly. Sau đó tất cả rủ nhau đi hát Karaoke tại quán 276 thuộc ấp H, xã B, đến 19 giờ cùng ngày thì nghỉ cùng nhau quay về nhà của D. H đi đến nhà mẹ ruột (cách nhà D khoảng 20m) lấy xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11 giao cho T điều khiển chở H về nhà tại tổ 01, ấp B, T ngủ qua đêm tại nhà H.

Khoảng 07 giờ ngày 28/7/2017, T pha nước cho H tắm để đi chợ, lợi dụng lúc H đang tắm, T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của H đem bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này T đi vào phòng ngủ của H lấy chìa khóa xe để trong rổ nhựa treo ở đầu giường rồi lén lút dẫn xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11 ra ngoài cửa điều khiển về huyện T, tỉnh An Giang cầm cho Nguyễn Văn M được số tiền 12.000.000 đồng, T dùng số tiền này để điều trị vết thương (do trên đường đi bị tai nạn giao thông) và sang Campuchia đánh bạc thua hết. Đến ngày 29/7/2017 T thỏa thuận bán xe mô tô trên cho Huỳnh Minh K với giá 13.000.000 đồng, K đưa cho M 12.000.000 đồng và đưa cho T 1.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2017, T bị Công an huyện K mời lên làm việc và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

**\* Vật chứng thu được:**

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Trắng-Đỏ-Đen, số máy JF27E0906742, số khung 2700BY802346, đã qua sử dụng (đã trao trả cho chủ sở hữu).

**\* Theo Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự:** Số 10A/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô số loại Honda, biển kiểm soát 67M1-084.11, màu sơn: trắng-đỏ-đen, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 18.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự với mức hình phạt bị cáo Nguyễn Phú T từ 9 đến 12 tháng tù.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Giữa bị cáo và người bị hại có mối quan hệ quen biết (sống chung với nhau như vợ chồng), vào khoảng 07 giờ ngày 28/7/2017 tại nhà của Đỗ Thị Kiều H thuộc tổ 01, ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang, lợi dụng bà H mất cảnh giác trong quản lý tài sản, Nguyễn Phú T đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11 của Đỗ Thị Kiều H đem bán được số tiền 13.000.000đ, mục đích lấy

tiền tiêu xài cá nhân. Chiếc xe mô tô có giá trị sử dụng theo kết quả thẩm định là 18.000.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và bị hại đều thừa nhận những lần trước đây bị cáo lấy xe đi đều có nói cho bà H biết, còn lần này bị cáo lấy xe đi không nói với bà H, khi bà H không thấy xe có điện thoại cho bị cáo hỏi thì biết được bị cáo đang lấy xe đi thì bà H đã yêu cầu bị cáo đưa xe về và không đồng ý cho bị cáo mượn xe; bị cáo không đem xe về trả mà đem xe đi cầm và sau đó đem xe bán với giá 13.000.000đ cho ông Huỳnh Minh K; Tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận ý định lấy xe từ đầu không phải để mượn đi mà mục đích là lấy xe đem đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài cá nhân nên không nói cho bà H biết. Do đó, có đủ cơ sở pháp luật để kết luận bị cáo Nguyễn Phú T phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do bị cáo và bà H có mối quan hệ quen biết (sống chung như vợ chồng) nên bị cáo đã lợi dụng trong lúc bà H không quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11 đem đi bán 13.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tư tưởng nhân dân, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã giao lại cho chủ sở hữu nên cần áp dụng điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm nhẹ phần nào về mức hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

*Về vật chứng:* 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Trắng-Đỏ-Đen, số máy JF27E0906742, số khung 2700BY802346 (đã qua sử dụng) được Cơ quan công an trao trả cho chủ sở hữu

*Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại bà Đỗ Thị Kiều H đã nhận lại tài sản nên không xem xét; Đối với ông Huỳnh Minh K trình bày do không biết đây là tài sản trộm cắp nên ông đã mua xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11 với giá 13.000.000đ, xe máy này ông đã giao nộp cho cơ quan điều tra nên ông yêu cầu bị cáo Nguyễn Phú T hoàn trả số tiền 13.000.000đ.

*Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Phú T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phú T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phú T 09 (chín)** tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 02/8/2017.

2/ Về tang vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 67M1-084.11, nhãn hiệu HONDA, màu sơn: Trắng-Đỏ-Đen, số máy JF27E0906742, số khung 2700BY802346 (đã qua sử dụng) được Cơ quan công an trao trả cho chủ sở hữu.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Người bị hại bà **Đỗ Thị Kiều H** đã nhận lại tài sản nên không xem xét.

Buộc bị cáo **Nguyễn Phú T** phải trả số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) cho ông **Huỳnh Minh K**.

4/ Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Phú T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và 650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/11/2017).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận :**

- TAND tãnh Kieân Giang;
- VKSND tãnh Kieân Giang;
- VKSND huyeãn Kieân Lõõng;
- Thi Hảõnh Aùn DS h.Kieân Lõõng;
- Nhõõng ngõõõ TGTT;
- Lõu tãp aùn, hoà sỏ;
- Lõu VP./.

**TM. HOÃI ÑỎÀNG XEÙT XÕÙ SỎTHẢẢM**

**Thảảm phảùn – Chuũ toãĩ phieãn toỏạ**

**Cao Thị Mai**

